



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

---

Tháng 2 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Ngọc Sinh	Chủ tịch
Ông Phạm Sĩ Tú	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trung Hà	Thành viên
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên độc lập không điều hành

##### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Linh Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thư	Trưởng ban
Bà Lương Thu Hoài	Thành viên
Ông Lê Vũ Cường	Thành viên

##### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Hoàng Linh Sơn - Giám đốc và ông Vũ Ngọc Sinh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

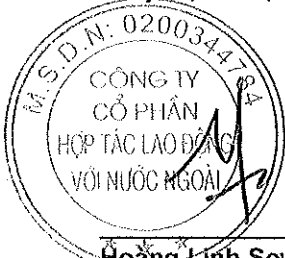
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Linh Sơn**

**Giám đốc**

Ngày 03 tháng 02 năm 2024

Số: 020301/2024/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.517.070.401</b>	<b>59.591.766.402</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.017.953.085</b>	<b>10.488.784.571</b>
1. Tiền	111	V.1	6.017.953.085	10.488.784.571
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>24.398.875.000</b>	<b>32.014.995.890</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		688.875.000	692.632.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(49.132.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.710.000.000	31.371.495.890
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.017.251.772</b>	<b>16.713.720.139</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.444.795.720	10.943.186.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	126.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	10.422.098.100	7.567.115.423
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.849.642.048)	(1.796.707.456)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>57.387.000</b>	<b>127.568.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	57.387.000	127.568.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.603.544</b>	<b>246.697.802</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	19.651.019	20.661.020
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	5.952.525	226.036.782
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.766.307.059</b>	<b>17.530.534.535</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		2.794.300.102	2.794.300.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.794.300.102)	(2.794.300.102)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>17.179.155.233</b>	<b>17.447.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.082.000.000	17.447.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.902.844.767)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>587.151.826</b>	<b>83.534.535</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	587.151.826	83.534.535
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>64.283.377.460</b>	<b>77.122.300.937</b>

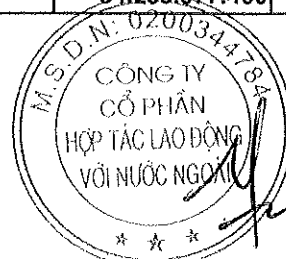


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.787.637.134</b>	<b>31.117.429.235</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.251.691.205</b>	<b>24.766.235.567</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11b	2.111.863.268	1.435.279.289
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	170.124.596	790.387.327
3. Phải trả người lao động	314		7.345.168.688	20.285.284.647
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.586.603.057	2.208.852.708
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	35.300.000	35.300.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.631.596	11.131.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.535.945.929</b>	<b>6.351.193.668</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	6.535.945.929	6.351.193.668
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.495.740.326</b>	<b>46.004.871.702</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>46.495.740.326</b>	<b>46.004.871.702</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.158.330.000	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(60.991.642.053)	(61.482.510.677)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(61.482.510.677)	(80.348.129.024)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		490.868.624	18.865.618.347
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>64.283.377.460</b>	<b>77.122.300.937</b>


Tạ Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

Tạ Thị Tuyết Minh  
Kế toán trưởngHoàng Linh Sơn  
Giám đốc  
Ngày 03 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	99.007.354.671	217.689.229.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.007.354.671	217.689.229.782
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.716.813.576	189.447.280.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.290.541.095	28.241.949.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.153.284.097	2.695.369.579
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.997.539.617	1.553.091.878
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	60.263.014
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.776.616.335	10.523.264.399
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		669.669.240	18.860.962.909
10. Thu nhập khác	31	VI.6	54.557.455	13.531.000
11. Chi phí khác	32	VI.7	56.325.814	8.875.562
12. Lợi nhuận khác	40		(1.768.359)	4.655.438
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		667.900.881	18.865.618.347
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	177.032.257	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		490.868.624	18.865.618.347

Tạ Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

Tạ Thị Tuyết Minh  
Kê toán trưởng



Hoàng Linh Sơn  
Giám đốc  
Ngày 03 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

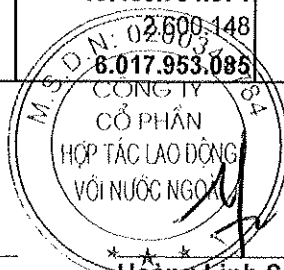
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	667.900.881	18.865.618.347
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Các khoản dự phòng	03	5.906.646.859	72.531.124
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	130.583.721	(264.809.002)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.008.284.155)	(2.161.620.174)
Chi phí lãi vay	06	-	60.263.014
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	08	3.696.847.306	16.571.983.309
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	09	1.157.829.606	8.372.783.129
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	70.181.000	(106.020.000)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	11	(13.692.942.819)	(29.696.832.666)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	12	(502.607.290)	26.569.313
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.375.000)	(643.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	14	-	(64.010.959)
	20	(9.316.067.197)	(5.539.027.874)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(49.430.000.000)	(48.871.495.890)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	57.091.495.890	62.500.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.635.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.816.139.673	1.986.375.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.842.635.563	15.614.879.122
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(9.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(9.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.473.431.634)	575.851.248
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.488.784.571	9.812.181.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.600.148	100.751.648
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.017.953.085	10.488.784.571

*Mhah*

Tạ Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

*Mhah*

Tạ Thị Tuyết Minh  
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 02 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải "về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần". Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200344784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; và
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và hai công ty con.

Đơn vị	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Chi nhánh</b>				
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO	Hải Phòng	79,30%	79,30%	Vận tải đường biển, đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê văn phòng, bán buôn kim loại và quặng sắt, cung ứng và quản lý nguồn lao động.
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực INLACO	Hải Phòng	98%	98%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 305 người (31 tháng 12 năm 2022 là 504 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

**Giải định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty là 60.991.642.053 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 61.482.510.677 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào việc triển khai các kế hoạch kinh doanh của Ban Giám đốc về việc tập trung định hướng kinh doanh vào các mảng dịch vụ cho thuê thuyền viên, dịch vụ hàng hải.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện là: Công ty thực hiện cắt giảm các mảng dịch vụ kinh doanh không hiệu quả, tập trung vào 2 mảng dịch vụ chính đem lại lợi ích kinh tế cao là dịch vụ cho thuê thuyền viên, dịch vụ hàng hải.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty: Nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con, bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc  
Phương tiện vận tải  
Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm  
06  
07 - 15  
05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

**Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; các khoản phí bảo hiểm thuyền viên, chi phí sửa chữa vận phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	123.844.325	2.384.691.755
Tiền gửi ngân hàng	5.894.108.760	8.104.092.816
<b>Cộng</b>	<b>6.017.953.085</b>	<b>10.488.784.571</b>

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động	-	-	-	692.632.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	688.875.000	698.750.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>688.875.000</b>	<b>698.750.000</b>	<b>-</b>	<b>692.632.500</b>
				<b>(49.132.500)</b>

(\*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ nhân với giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm trên sản chứng khoán của mã chứng khoán này.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hải Phòng	9.500.000.000	9.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hải Phòng	2.000.000.000	2.000.000.000	3.091.495.890	3.091.495.890
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hải Phòng	12.210.000.000	12.210.000.000	21.280.000.000	21.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.710.000.000</b>	<b>23.710.000.000</b>	<b>31.371.495.890</b>	<b>31.371.495.890</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,6%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	5.209.400.990	13.200.000
Công ty TNHH Hào Hưng	-	7.815.685.015
Công ty TNHH MTV VTB Gemadept	1.582.259.345	1.966.540.291
Các khách hàng khác	653.135.385	1.147.760.866
<b>Cộng</b>	<b>7.444.795.720</b>	<b>10.943.186.172</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	<b>5.209.400.990</b>	<b>13.200.000</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược (i)	5.923.642.048	5.914.387.456
Tạm ứng	59.000.000	689.000.000
Phải thu khác	4.439.456.052	963.727.967
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>595.641.698</i>	<i>403.497.216</i>
<i>Phải thu Bảo hiểm xã hội của thuyền viên</i>	<i>378.721.554</i>	<i>260.137.951</i>
<i>Phải thu thuyền viên làm thuê</i>	<i>400.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.065.092.800</i>	<i>92.800</i>
<b>Cộng</b>	<b>10.422.098.100</b>	<b>7.567.115.423</b>

(i) Trong khoản ký quỹ này có khoản ký quỹ tại Chittagong liên quan đến tàu VTB Brave đã được Công ty trích lập dự phòng 100% với giá trị là 1.849.642.048 đồng.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá gốc thu hồi VND
Trên 3 năm	1.849.642.048	-	1.849.642.048	1.796.707.456
<b>Cộng</b>	<b>1.849.642.048</b>	<b>-</b>	<b>1.849.642.048</b>	<b>1.796.707.456</b>

Ký quỹ tại Chittagong - tàu VTB Brave

**6. Hàng tồn kho**

Công cụ, dụng cụ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	57.387.000	-	127.568.000	-
<b>Cộng</b>	<b>57.387.000</b>	<b>-</b>	<b>127.568.000</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	19.651.019	20.661.020	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.651.019</b>	<b>20.661.020</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

Chi phí sửa chữa văn phòng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	449.311.209	-	79.784.535	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	130.640.617	79.784.535	3.750.000	-
Cước viễn thông	7.200.000	3.750.000	83.534.535	-
<b>Cộng</b>	<b>587.151.826</b>	<b>83.534.535</b>	<b>83.534.535</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
Số dư cuối năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
Số dư cuối năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.794.300.102 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.794.300.102 đồng).

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 97.929.100 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 97.929.100 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**  
 Tầng 2 toà nhà Piaggio, số 3 2&A Lê Hồng Phong,  
 Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
	cổ phần	VND	cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	1.744.700	17.447.000.000	1.744.700	17.447.000.000
Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực Inlaco	490.000	5.635.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>23.082.000.000</b>		<b>17.447.000.000</b>
		<b>(5.902.844.767)</b>		

(\*) Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Inlaco và Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực Inlaco dựa trên thông tin báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Ngọc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	330.483.729	330.483.729	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	781.379.539	781.379.539	435.279.289	435.279.289
<b>Cộng</b>	<b>2.111.863.268</b>	<b>2.111.863.268</b>	<b>1.435.279.289</b>	<b>1.435.279.289</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>330.483.729</b>	<b>330.483.729</b>	-	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.984.782		177.032.257	-	-	5.952.525		
Thuế thu nhập cá nhân	43.052.000		43.052.000	-	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>226.036.782</b>		<b>220.084.257</b>			<b>5.952.525</b>		
<b>b. Các khoản phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	790.387.327		7.500.578.250		8.144.300.231	146.665.346		
Thuế thu nhập cá nhân	-		826.098.250		802.639.000	23.459.250		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		24.427.500		24.427.500	-		
Các loại thuế khác	-		4.000.000		4.000.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>790.387.327</b>		<b>8.355.104.000</b>		<b>8.975.366.731</b>	<b>170.124.596</b>		

**13. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	436.405.615		555.656.717	
Bảo hiểm xã hội	422.482.902		595.890.404	
Phải trả thuyền viên	204.696.312		204.696.312	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	137.358.490		161.868.490	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	385.659.738		690.740.785	
<b>Cộng</b>	<b>1.586.603.057</b>		<b>2.208.852.708</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**  
 Tầng 2 toà nhà Piaggio, số 3 28A Lê Hồng Phong,  
 Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
**THUYẾT MINH BAO CAO TẠI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Dự án Inlaco land	35.300.000	35.300.000	-	-	35.300.000	35.300.000
<b>Tổng</b>	<b>35.300.000</b>	<b>35.300.000</b>	-	-	<b>35.300.000</b>	<b>35.300.000</b>

**15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	6.351.193.668	6.351.193.668	184.752.261	-	6.535.945.929	6.535.945.929
<b>Cộng</b>	<b>6.351.193.668</b>	<b>6.351.193.668</b>	<b>184.752.261</b>	<b>-</b>	<b>6.535.945.929</b>	<b>6.535.945.929</b>

(\*) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0090/10/HP, ngày 04 tháng 10 năm 2010, số tiền nhận nợ là 5.500.000 USD, thời hạn vay là 12 năm 8 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 13 tháng trả lãi sau (+) biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để mua tàu LC Union. Theo công văn số 130/2021/CV-TGDĐ12 ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc bù trừ công nợ và miễn giảm lãi, Công ty được miễn giảm toàn bộ lãi, lãi phạt đã phát sinh và dừng tính lãi số dư nợ gốc còn lại của khoản vay trên. Đối với dư nợ gốc còn lại của khoản vay, Ngân hàng sẽ xem xét xóa nợ trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới theo đúng quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn với số tiền là 6.351.193.668 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	61.003.910.000	47.158.330.000		(685.057.621)	10.200.000	(80.348.129.024)	27.139.253.355
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	18.865.618.347	18.865.618.347
Số dư đầu năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000		(685.057.621)	10.200.000	(61.482.510.677)	46.004.871.702
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	490.868.624	490.868.624
Số dư cuối năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000		(685.057.621)	10.200.000	(60.991.642.053)	46.495.740.326

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**17. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê tàu ILC Friendship	762.446.875	762.446.875
Công ty Xuân Việt	454.333.631	454.333.631
Vitranchart QN	191.884.805	191.884.805
Chi nhánh công ty Xuân Việt	117.598.378	117.598.378
<b>Cộng</b>	<b>1.526.263.689</b>	<b>1.526.263.689</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.375.820.880	4.957.071.987
Doanh thu cho thuê thuyền viên	77.477.996.407	211.976.862.236
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.037.617.064	755.295.559
Doanh thu bán vật liệu san lấp	19.115.920.320	-
<b>Cộng</b>	<b>99.007.354.671</b>	<b>217.689.229.782</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	<b>22.795.685.950</b>	<b>48.000.000</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ hàng hải	488.572.903	1.044.433.166
Giá vốn cho thuê thuyền viên	67.687.893.094	187.953.409.570
Giá vốn cho thuê văn phòng	596.467.071	449.437.439
Giá vốn bán vật liệu san lấp	18.943.880.508	-
<b>Cộng</b>	<b>87.716.813.576</b>	<b>189.447.280.175</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.008.284.155	2.155.620.174
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	36.367.500	158.479.389
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	108.632.442	375.270.016
<b>Cộng</b>	<b>3.153.284.097</b>	<b>2.695.369.579</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	-	60.263.014
Lãi tiền đặt cọc	-	897.534.247
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	80.375.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá	131.635.557	359.644.237
Chi phí tài chính khác	12.191.793	106.142.551
Dự phòng các khoản đầu tư	5.853.712.267	49.132.500
<b>Cộng</b>	<b>5.997.539.617</b>	<b>1.553.091.878</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.017.349.240	6.852.971.891
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.189.734	122.717.767
Thuế, phí và lệ phí	4.180.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.045.929	2.608.434.567
Chi phí bằng tiền khác	957.916.840	911.741.550
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	52.934.592	23.398.624
<b>Cộng</b>	<b>7.776.616.335</b>	<b>10.523.264.399</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý vật tư	54.545.455	-
Các khoản khác	12.000	13.531.000
<b>Cộng</b>	<b>54.557.455</b>	<b>13.531.000</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khác	56.325.814	8.875.562
<b>Cộng</b>	<b>56.325.814</b>	<b>8.875.562</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

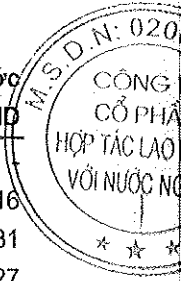
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	667.900.881	18.865.618.347
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	217.260.406	(18.865.618.347)
Các khoản điều chỉnh tăng	217.260.406	120.375.514
Chi phí phạt vi phạm hành chính	56.325.814	8.875.514
Thu lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	108.000.000	111.500.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi loại khi tính TNDN	52.934.592	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(18.985.993.861)
Chuyển lỗ các năm trước	-	(18.985.993.861)
Thu nhập chịu thuế	885.161.287	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	177.032.257	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	177.032.257	-

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.175.146.933	
Chi phí nhân công	71.684.780.765	192.578.984.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.976.788.958	6.882.134.931
Chi phí khác bằng tiền	1.656.713.255	509.425.227
Cộng	95.493.429.911	199.970.544.574



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco

Công ty con

Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco

Công ty con

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

*Trong năm có các giao dịch với bên liên quan như sau:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền đặt cọc	-	897.534.247
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	897.534.247
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22.795.685.950</b>	<b>48.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	19.170.920.320	48.000.000
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	3.624.765.630	-
<b>Mua hàng</b>	<b>870.777.218</b>	<b>1.216.487.974</b>
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	870.777.218	1.216.487.974

*Số dư các bên liên quan như sau:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>5.209.400.990</b>	<b>13.200.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	5.209.400.990	13.200.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>330.483.729</b>	-
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	330.483.729	-


*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và trường ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Linh Sơn	741.820.000	767.798.615
Ông Vũ Ngọc Sinh	669.820.000	358.555.500
Ông Nguyễn Văn Biên	520.230.000	602.096.064
Ông Phạm Sĩ Tú	395.095.000	323.673.200
Ông Lê Trung Hà	107.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Bá Hải	108.000.000	105.000.000
Bà Trịnh Thị Nga	112.000.000	111.500.000
Bà Nguyễn Thị Thư	73.500.000	72.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.727.465.000</b>	<b>2.481.123.379</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

  
Tạ Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

  
Tạ Thị Tuyết Minh  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Linh Sơn  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 02 năm 2024